TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Minh

2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 673/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 23, ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T;

Tạm trú: Ô1/144, khu phố T1, thị trấn G1, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ 23, ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T.

Chị M và anh Đ đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-9-2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành Đ chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị chung sống không có tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh năm 2015. Vàng cưới không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Từ khi chung sống với nhau, anh chị thuê nhà trọ ở. Năm 2015, chị sinh

con nên anh chị được cha mẹ ruột anh Đ cho một phần đất tại ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T nên anh chị cất nhà ở cho đến nay. Anh chị chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Đ cờ bạc gây đổ nợ nhiều lần, mỗi lần từ 100.000.000 đến 200.000.000 đồng. Ngoài ra, anh Đ còn nghiện ma túy, anh Đ đã từng cai nghiện tại nhà nhưng không cai được. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không từ bỏ được cờ bạc và ma túy. Tháng 6-2019, chị và anh Đ sống ly thân cho đến nay. Sau khi chị nộp đơn xin ly hôn, anh Đ có năn nỉ và xin chị tha thứ nhưng chị không đồng ý nên anh Đ chuyển sang đe dọa sẽ giết chị và cả gia đình chị nếu chị kiên quyết ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 14-8-2015. Hiện cháu Tr đang sống cùng với anh Đ, anh Đ cũng rất thương con và chăm sóc tốt cho con. Chị đồng ý giao cháu Tr cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Tr với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên. Tại phiên tòa, chị đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T nhưng đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho người khác nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2019 và trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về hôn nhân, anh thống nhất như lời trình bày của chị M. Anh thừa nhận có cờ bạc và có thiếu nợ cờ bạc mỗi lần khoảng 100.000.000 đồng nhưng anh có thu nhập từ công việc làm ăn và có thể trang trải được nợ nần. Trước đó anh có sử dụng ma túy nhưng hiện nay anh đã không còn sử dụng nữa. Anh đã nhiều lần năn nỉ chị M để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M kiên quyết ly hôn nên anh có đe dọa sẽ giết cả nhà chị M. Anh chị ly thân từ khoảng tháng 7-2019 đến nay. Theo anh, chị M cho rằng lý do anh cờ bạc nên chị M xin ly hôn với anh là không đúng, vì chị M biết anh cờ bạc từ lâu, vợ chồng cũng chưa từng cải vả nhau về việc này nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về nuôi con: Anh thống nhất với ý kiến của chị M. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng và cũng không đồng ý nhận cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị M, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia

tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh Đ; về con chung: Giao anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 14-8-2015. Ghi nhận chị M đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tr thành niên; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị M nguyên nhân là do anh Đ cờ bạc gây đổ nợ nhiều lần, anh Đ còn sử dụng ma túy. Chị đã nhiều lần cho anh Đ cơ hội nhưng anh Đ không khắc phục được khuyết điểm. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Đ. Còn anh Đ, tuy thừa nhận có cờ bạc và thiếu nợ nhiều lần khoảng 100.000.000 đồng nhưng anh cho rằng chị M xin ly hôn với lý do anh cờ bạc là không đúng. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về nuôi con*:

[2.1] Anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 14-8-2015. Hiện cháu Tr đang sống cùng với anh Đ. Chị M thừa nhận tuy anh Đ đam mê cờ bạc nhưng anh là người biết làm ăn tạo ra thu nhập, rất thương con và hiện nay cháu Tr cũng đang được anh Đ và gia đình anh Đ chăm sóc tốt nên chị đồng ý giao cháu Tr cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Và anh Đ cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nên Hội đồng xét xử cần giao cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Mặc dù anh Đ không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con và từ chối nhận cấp dưỡng của chị M nhưng chị M tự nguyện xin được cấp dưỡng cho cháu Tr mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị M là nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Tr, giúp cháu có cuộc sống tốt hơn về kinh tế. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận chị M đồng ý cấp dưỡng cho cháu Tr số tiền 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 11-2019 cho đến khi cháu Tr thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung:* Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về *nợ chung:* Anh chị khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp

nhận.

[6] *Về án phí*: Chị M đồng ý chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhân sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về nuôi con: Giao cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 14-8-2015. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tr số tiền 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 11-2019 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được.

Chị M có quyền và nghĩa vụ trông nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0009672 ngày 17-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, chị M còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG